

# NGHỀ TẦM TƠ NAM KỲ THỜI THUỘC PHÁP (CUỐI THẾ KỶ XIX, ĐẦU THẾ KỶ XX)

NGUYỄN PHAN QUANG\*

Tháng 5-1907, Ban chuyên trách ngành tầm tơ Nam Kỳ (trực thuộc Nha Canh Nông Nam Kỳ) thực hiện cuộc kinh lý tại một số tỉnh có tiếng về ngành tầm tơ (Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Thủ Dầu Một, Gia Định, Long Xuyên, Tân Châu). Tham gia cuộc kinh lý có Phái đoàn tầm tơ Bắc Kỳ (Trung tâm lưu trữ quốc gia II - Kh: IA4/076).

Cuộc kinh lý nhằm mục đích tìm hiểu thực trạng ngành tầm tơ và khả năng phát triển ngành này. Đồng thời, trước mắt chọn một địa điểm thích hợp để thiết lập một cơ sở lụa trứng tầm và ương tơ theo kiểu mẫu những cơ sở đã hoạt động một năm qua ở Phủ Lạng Thương (Bắc Kỳ).

Kết quả cuộc kinh lý ở mỗi tỉnh được báo cáo chi tiết về Phủ Thống đốc Nam Kỳ, phản ánh khá rõ nét thực trạng nghề tầm tơ Nam Kỳ một thế kỷ trước.

Gần ba tháng sau (ngày 27-8-1907), Ban chuyên trách tầm tơ (trực thuộc Nha Canh nông) lại gửi thêm một số báo cáo lên Thống đốc Nam Kỳ, bổ sung nhiều chi tiết về nghề tầm tơ từ khi thực dân Pháp cai trị Nam Kỳ cho đến năm 1907.

Sau đây, xin được tổng hợp các tài liệu trên.

## I. TÌNH HÌNH TRƯỚC NĂM 1907

Trước cuộc chinh phục của Pháp, nghề tầm tơ đã là một “kỹ nghệ nông nghiệp” mà người nông dân Nam Kỳ dành nhiều thời gian nhất, ngoài công việc đồng áng.

Theo *Tạp san của Ủy ban Canh nông và Kỹ nghệ Nam Kỳ* (xuất bản các năm 1865 và 1871): “Khắp Nam Kỳ chưa có một nhà tầm nào được thiết lập; mặc dầu hầu hết dân cư đều có nuôi tầm hoặc nhiều hoặc ít”. Các tỉnh đều trồng dâu trên mọi diện tích, nhưng với số lượng nhỏ. Riêng ở Mỹ Tho, Vinh Long, Châu Đốc, dọc theo hai bờ sông Tiền, sông Hậu có nhiều chợ bán tơ lụa nổi tiếng. Cái Bè - nay là một thị tứ của tỉnh Mỹ Tho - cũng có rất nhiều trại dâu.

Vẫn theo *Tạp san* (đã dẫn): Cây dâu được trồng nhiều nhất tại các vùng bao quanh Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Long Thành. Tại Long Thành có những trại dâu rất đẹp (có trại rộng gần 30 ares). Điều này giải thích việc các mục sư Roy và Berne đã thành lập ở ngoại ô Sài Gòn hai cơ sở ương tơ kéo sợi. Theo tờ *Le Courrier Saigonnais* (5-4-1870), người ta có thể xuất sang thị trường Lyon những loại tơ của Nam Kỳ, không chỉ để thử nghiệm mà được coi như hàng hóa thực sự. Năm 1868, một người

\*PGS. TS. Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh

ơ tơ giỏi ở Drôme - bà Seyssel- được mời sang Nam Kỳ với đồ nghề thủ công, hướng dẫn cách ươm tơ cho dân bản xứ.

Kỹ nghệ tằm tơ ở Nam Kỳ từng có một vị trí khá quan trọng, nên hồi đó chính quyền thực dân dự kiến khả năng thiết lập một luồng thương mại giữa nước Pháp với thuộc địa non trẻ này. Rất tiếc là nghề tằm tơ đã tự nó suy thoái ngay sau đó, đến mức gần như biến mất tại một số tỉnh từng phát đạt một thời (như Vĩnh Long, Sa Đéc, Biên Hòa, Thủ Dầu Một...).

Giải thích như thế nào sự suy thoái này, mặc dầu đây là một kỹ nghệ rất phù hợp với sở thích và tập quán tự nhiên của người bản xứ, đồng thời lại là một nghề rất sinh lợi... Việc trồng cây dâu rất dễ thực hiện, thích nghi với tất cả các loại đất. Con tằm xứ này, bản thân nó cũng khá thích nghi với những điều kiện khác nhau.

Sự suy thoái của kỹ nghệ tơ lụa trước hết là do những nguyên nhân kinh tế. Việc khai phá những đồng bằng mênh mông ở Cần Thơ, Trà Vinh, Rạch Giá, Sóc Trăng, Bạc Liêu dẫn đến sự chênh lệch về tỷ lệ giữa diện tích trồng lúa và nhân công, tuy dân số đã tăng lên gần 1/3 kể từ cuộc chinh phục của Pháp.

Trước và sau khi thực dân Pháp đặt nền cai trị, dân cư nông nghiệp đã từng tập trung ở những tỉnh được khai thác lâu đời, như Vĩnh Long, Sa Đéc, Biên Hòa, Bến Tre, Gia Định, Thủ Dầu Một, Chợ Lớn... Diện tích trồng lúa tại những tỉnh này tạm đủ nhân công, các gia đình dùng thời gian rảnh rỗi vào việc nuôi tằm; nhưng nay thì không còn như vậy nữa. Đất đai phì nhiêu vừa mới khai phá thu hút nhân công về những đồn điền mênh mông ở các tỉnh này. Đối với nông gia thì riêng việc trồng lúa cũng đã

giúp họ không chỉ sống dư dật mà còn có thể làm giàu.

Vả chăng, việc trồng lúa đặc biệt thích hợp với tập quán của người nông dân An Nam; mọi hoạt động nông nghiệp được tiến hành theo thời vụ nhất định, không phải trong vài ngày, càng không phải vài giờ như việc nuôi tằm (*Làm ruộng ăn cơm năm; Nuôi tằm ăn cơm đứng*). Do vậy, người dân Nam Kỳ đã dần dần xa rời nghề tằm tơ, vì nó đòi hỏi sự chăm sóc tỉ mỉ hơn. Tuy thu được nhiều lợi nhuận khi có lứa tằm đạt hiệu suất cao (*làm ruộng ba năm không bằng nuôi tằm một lứa*) thì cũng vẫn rất bấp bênh, may rủi. Nhiều khi người ta có thể mất sạch những lứa tằm trong vài giờ mà không rõ nguyên nhân.

Còn một lý do khác có tác động mạnh đến sự suy thoái của nghề tằm tơ ở Nam Kỳ: đó là sự xâm nhập của vải vóc Trung Hoa tốt hơn vải lụa bản xứ về mọi mặt, lại không đắt hơn bao nhiêu, đáp ứng thị hiếu "xài sang" của những người An Nam giàu lên nhờ ruộng đất. Rõ ràng là sản phẩm tơ lụa của Tàu đã cạnh tranh gay gắt với tơ lụa bản xứ.

Dù xuất phát từ lý do gì, thì người An Nam đã rời bỏ những phương tiện của mình, đến nỗi trong tất cả các trung tâm trồng dâu được nêu trên *Tập san Canh nông* chỉ còn lại vùng Tân Châu, nhưng cũng đã mất vai trò của nó trước kia.

Tại các Cù lao Bà Xang, Cồn Mới ở phụ cận Cù lao Giồng, cây trà và cây thuốc lá ngày càng lấn lướt vị trí của cây dâu.

Tại Long Thành 40 năm trước có những trại dâu tươi tốt gần 30 ares, nay chỉ còn vài góc thiếu chăm sóc, tro troi trong các khu vườn. Trước đây - theo lời dân địa phương - hầu như gia đình nào cũng có bể ươm tơ, khung dệt lụa. Thế mà nay chỉ còn

3 cơ sở nuôi tằm, nhưng 2 cơ sở đã ngưng hoạt động vì thiếu trứng tằm, cơ sở thứ 3 thì chỉ có khoảng 1000 con tằm. Ở Tân Uyên chỉ còn dăm ba cây dâu và một gia đình nuôi tằm. Tỉnh Biên Hòa thì ngưng việc sản xuất tơ từ 10 năm nay.

Nhìn chung, người nuôi tằm An Nam hay Khmer ở Nam Kỳ cũng tương tự những đồng nghiệp của họ ở Bắc Kỳ. Người ta chỉ biết con tằm bị bệnh, nhưng không xác định được nguyên nhân, đặc tính căn bệnh của tằm. Ở Bắc Kỳ, ít ra người ta cũng biết đặt tên cho mỗi loại bệnh của con tằm, và một số địa phương coi nghề tằm tơ là một nghề căn bản của nhà nông; ở Nam Kỳ thì tằm tơ chỉ là một nghề rất phụ.

Sau đây là tình hình ở một số tỉnh Nam Kỳ vốn có truyền thống về nghề tằm tơ:

### 1. Ở Bến Tre, Trà Vinh

Theo các báo cáo, tỉnh Bến Tre chỉ có những trại dâu nhỏ, rải rác trên những cánh đồng và giồng cát. Từ Đồng Tre đến Ba Tri (một trung tâm nổi tiếng về "lụa Ba Tri"), nghề dệt đã suy giảm rất nhiều. Xung quanh trung tâm Ba Tri và tiến xa hơn về phía biển, tại các làng An Hòa, Tân Hà có khoảng 10 héc-ta (ha) trồng dâu, tăng gấp 4 lần trước kia do sử dụng những khoảng đất bỏ hoang hoặc vốn canh tác thuốc lá, đậu, bắp. Các làng Tân Trang, Đồng Xung và ba làng Mỹ Nhơn, Mỹ Chánh, Mỹ Thanh (Ba Mỹ) đều có nuôi tằm.

Tại Cù lao Minh, cánh đồng từ Mỏ Cày đến Vũng Thơm và các giồng Ba Vạt, Đồng Keo đều có trồng dâu. Vũng Thơm sản xuất tơ sống và được dệt ngay tại chỗ. Xưa kia, Mỏ Cày có nhiều khung cửi (ở Xóm Cửi), nay chỉ còn một hai chiếc. Làng Đồng Miêu hình như vẫn còn nghề dệt lụa.

Nói chung, nghề tằm tơ ở tỉnh Bến Tre đã mai một nhiều do nhiều nguyên nhân, nhưng vẫn có thể hồi phục nếu có điều kiện tiêu thụ sản phẩm, nếu nắm vững những hiểu biết cơ bản về sinh lý con tằm. Ở đây có rất nhiều nhân công nữ, vì họ không bận rộn công việc đồng áng nặng nhọc như ở các tỉnh có nhiều cư dân Khmer.

Nghề tằm tơ ở Trà Vinh quan trọng hơn ở Bến Tre. Các trại dâu đặc biệt phát triển ở vùng Trà Kha, gồm ba làng Hàm Giang, Đại Dư và Đôn Hậu thuộc tổng Ngãi Hòa Thượng. Trung tâm tằm tơ này gồm có ba cánh đồng song song: Thốt Nốt, Trà Kha và Đồng Lớn. Một phần ba diện tích đồng ruộng là những trại trồng dâu.

Nghề tằm tơ được nông gia rất quan tâm, sau nghề trồng lúa. Vùng Trà Kha đã bán tơ sống cho các nhà dệt lụa ở Châu Đốc hoặc bán cho người Hoa với số lượng lớn để xuất khẩu.

Bên kia kênh Lang-Sat, sâu vào đất liền, làng Long Vinh (tổng Thanh Hòa Thượng) và làng An Thới (cùng tổng) cũng có rất nhiều trại trồng dâu. Những cánh đồng ở Tâm Phương, Mỹ Can, Thanh Lê thuộc tổng Trà Nhiều Thượng đều có nương dâu trên những diện tích nhỏ, gần nhà ở.

Chủ tỉnh Massy, nhân cuộc họp hàng tháng của các chánh, phó tổng, đã bố trí cho phái đoàn tiếp xúc với họ để có những thông tin khái quát về các vùng tằm tơ trong tỉnh. Theo họ, nghề tằm tơ ở các tổng Thành Hòa Thượng, Ngãi Long Thượng, Ngãi Hoà Trung cũng tương tự ở tổng Trà Nhiều Thượng.

Có thể kết luận: Trà Vinh cần được coi là một tỉnh tằm tơ quan trọng, nổi bật nhất là vùng Trà Kha. Chỉ tiếc rằng Trà Vinh cách xa trung tâm, khó có thể trở thành

một địa bàn vững chắc để có thể khuyến khích thương nhân tạo thành một luồng giao dịch hiệu quả.

Cũng như tỉnh Sóc Trăng (xin xem ở mục sau), nghề tầm tơ ở Trà Vinh hầu như hoàn toàn do các gia đình người Khmer thực hiện. Họ không dùng lụa Tàu, tuy đẹp hơn nhưng không bền mà lại đắt tiền, không phù hợp với nhu cầu của họ. Người An Nam ở Trà Vinh thì chỉ nuôi tầm như một công việc phụ của từng gia đình.

Các gia đình người Khmer không coi trọng những nguyên tắc vệ sinh sơ đẳng trong việc nuôi tầm. Tầm được nuôi trong hai cái thúng. Con tầm qua lần đổi lột thứ ba rất không đều, nhiều con tầm bị bệnh tầm mỡ. Tầm nuôi trong thúng quá nhỏ, lại còn phủ lên một lớp vải dày, không thông thoáng. Lá dâu thái quá nhỏ, khô dòn dưới bụng tầm, lá dâu quá ít, con tầm cựa quậy tìm hoài thức ăn đã vơi cạn hàng giờ trước đó. Hẳn rằng con tầm phải rất thích nghi với thổ ngơi mới có thể cầm cự với cung cách chăm nuôi như vậy. Tuy nhiên người ta vẫn có thể tin tưởng vào triển vọng nghề nuôi tầm, một khi trứng tầm được lựa chọn tốt, những quy tắc vệ sinh được phổ biến.

Ở Trà Vinh cũng như ở Bến Tre, các trại dâu được chăm sóc khá cẩn thận. Vào mùa nắng nóng, gốc dâu được phủ rơm rạ hoặc thân lá cây bắp để chống khô đất. Hàng năm, người ta bón cho dâu một ít phân, nhưng cách thức thì lại hoàn toàn khác với các tỉnh Long Xuyên và Châu Đốc. Cây dâu trồng trên các giồng đất cát, nhưng hàng năm vùng này thường bị hạn nặng khoảng năm tháng. Giống dâu thân nhỏ cũng được trồng tại đây, nhưng ở Bến Tre ít hơn ở Trà Vinh.

## 2. Ở Sóc Trăng

Sóc Trăng rất giống Trà Vinh về cảnh quan đồng ruộng cũng như về cư dân (đa số là người Khmer). Nghề tầm tơ tập trung ở vùng Tây Sum, một khu đất trên cánh đồng cách thành phố gần 12km. Cây dâu được trồng rải rác trên đường vào làng, hoặc từng cây riêng lẻ, hoặc từng cụm khoảng một vài chục gốc dâu.

Cơ sở duy nhất đáng gọi là “trại tầm” nằm ngay ở giữa làng, với diện tích khoảng 1/4ha. Loại “dâu Xiêm” (môm siam) được trồng cách quãng 1m50, thành từng dãy cách nhau 2m. Người Hoa - chủ nhân của trang trại này - năm nay không khai thác nữa, do vụ hỏa hoạn vừa qua đã tàn phá mọi phương tiện nuôi tầm. Cây dâu gồm 3 loại: dâu Xiêm, dâu nước (môn túc) và dâu Levair (môn Levair). Vừa qua, tuy bị hạn kéo dài, cây dâu vẫn mọc tốt, chứng tỏ chất đất Sóc Trăng thích nghi với cây dâu. Sở dĩ cây dâu ở đây chưa được chăm sóc thật tốt, có lẽ vì nghề tầm tơ không được coi là nguồn thu nhập quan trọng. Người ta trồng dâu nuôi tầm chỉ vì cần có lụa để dùng.

Các làng Lai Tâm, Phước Lai, Văn Trật và Yên Tập (trên đường đi Cần Thơ) hợp thành một trung tâm tầm tơ quan trọng hơn. Trên một cánh đồng chạy dài ngót 3km dọc theo đường lộ, dân cư đông đúc, dòng sông Vung Thơm chảy qua giữa làng, nghề tầm tơ hình như chưa mất chỗ đứng như ở một số vùng khác.

Người Khmer có tập quán sống đơn giản từ xưa. Các loại lụa mềm, lông lạnh của người Tàu nhập vào không hợp nhu cầu của họ. Họ chỉ cần loại vải lụa để may sampô, áo dài, veston. Có lẽ vì vậy mà nghề tầm tơ vẫn được duy trì trong các làng Khmer ở Sóc Trăng cũng như ở Trà Vinh.

Xã Lai Tâm có hơn 30 cơ sở nuôi tằm. Thời vụ tằm tơ là từ tháng 5 đến tháng 6 và từ tháng 10 đến tháng 11. Suốt cả năm, một vài gia đình liên tục nuôi tằm để bảo vệ giống. Tằm được nuôi cùng giống dâu như ở Tây Sum. Những ruộng dâu có 50 gốc hoặc nhiều hơn là phổ biến. Nhưng hình như nghề tằm tơ chỉ thật sự phát đạt ở Lai Tâm và vùng phụ cận. Theo dân địa phương, giống dâu Xiêm được ưa chuộng hơn các giống khác, vì lá dâu Xiêm có nhiều mật, cho nhiều tơ hơn và là loại tơ tốt nhất về cả độ bền lẫn độ láng.

Vì cây dâu trồng rải rác khắp trong tỉnh, người nuôi tằm phải đi kiếm lá dâu tận Phú Ninh, có khi phải vào tận thành phố Sóc Trăng. Vườn nhà ông Sơn Diệp có một khu trồng dâu hơn 200 gốc (thuộc làng Khánh Hưng). Nói chung, cây dâu được trồng có hiệu quả khắp các cánh đồng của tỉnh Sóc Trăng.

Người ta cũng trồng giống dâu nhỏ cây như ở Gia Định, Thủ Dầu Một và Biên Hòa. Những năm đầu, nhà nông thỉnh thoảng làm cỏ, chờ khi cây dâu lớn dần lên, lá che phủ mọi cây cỏ khác ở phía dưới. Người ta hái lá dâu tùy theo nhu cầu nuôi tằm. Thời điểm nuôi tằm bắt đầu từ cuối tháng 4 (bắt đầu mùa mưa); mùa khô người ta chỉ nuôi tằm để cho tằm sinh sản mà thôi.

Nghề tằm tơ ở Sóc Trăng có thể phát triển một khi có nơi tiêu thụ ổn định và người nông dân thấy có lợi thực sự khi trồng dâu trên những cánh đồng bỏ hoang hoặc trên các diện tích trồng các loại cây ít sinh lợi hơn. Có lẽ còn lâu tơ tằm ở Trà Vinh, Sóc Trăng mới trở thành sản phẩm xuất khẩu quan trọng.

### 3. Ở Thủ Dầu Một và Gia Định

Nghề nuôi tằm ở hai tỉnh này bấp bênh hơn ở Trà Vinh và Sóc Trăng. Ở phía trên

Thủ Dầu Một, tại vùng Bung Cầu ngày xưa nổi tiếng tằm tơ, nhưng chỉ có hai khoảnh đất nhỏ. Phần lớn dân địa phương đều biết nghề tằm tơ, nhưng chỉ tiến hành vào lúc rỗi rãi. Hầu như chưa có một cơ sở nuôi tằm nào nghiêm chỉnh. Cũng có thể ở thời điểm Phái đoàn đến thăm (cuối tháng 4) là dâu đã vơi cạn.

Vùng giáp ranh của tỉnh - Bến Mương và phụ cận cho đến Hóc Môn và Củ Chi - có một trung tâm tằm tơ khá quan trọng. Người dân Hóc Môn cho biết: vào vụ tơ tằm, hàng đoàn đàn bà con gái gánh về những sọt lá dâu mua được từ khắp nơi. Vùng tiếp giáp Củ Chi, nghề tằm tơ có vẻ phát triển. Vùng chợ Tân Phú có nhiều gia đình nuôi tằm suốt cả mùa mưa, vì lá dâu mùa này dồi dào. Ở Bến Mương, kén tằm rất xấu, vừa nhỏ vừa yếu; người ta không ươm mà kéo như kéo sợi bông vải để dệt thao hay dùi (một loại tussor), dùng may mặc trong gia đình.

Điều cần lưu ý: con ngài (để trứng tằm) đem bán dưới dạng kén, và trọng lượng của kén (để trứng) quyết định giống tằm. Nếu cân đong theo số lượng kén (4 "tiền" = 1 cân = 600gr) thì không chính xác, vì con tằm trong mỗi kén cùng trọng lượng rất khác nhau.

Ở các tỉnh Gia Định và Thủ Dầu Một, có sự không cân xứng giữa lượng lá tằm với số lượng con tằm. Hình như người ta cho rằng dùng ít lá dâu mà nuôi được nhiều con tằm thì kinh tế hơn! Thực ra, con tằm không được nuôi dưỡng tử tế thì sẽ nhả ít tơ. Nhưng họ lại mong có một lượng kén thật nhiều, cho dù có giảm lượng tơ! Thực ra họ đã bỏ phí một cách dễ dãi cả kén lẫn tơ, vì một khi con tằm không được chăm nuôi tử tế sẽ sinh bệnh, nếu tằm không chết thì kén tằm cũng xấu. Những người nuôi tằm rất ít hiểu biết về vệ sinh dịch tễ cũng như

những nguyên tắc cơ bản về sinh lý của con tầm.

#### 4. Ở Long Xuyên

Mấy chục năm trước, nghề trồng dâu tỉnh này rất phát triển và vẫn còn vị trí quan trọng trước khi xảy ra trận bão năm 1904. Bây giờ dường như nghề tầm tơ chỉ còn ở Cù lao Giêng. Ngay tại cù lao này - nơi có cơ sở của Hội Truyền giáo - cũng không còn trại dâu nào nữa. Việc cô nhi trước đây đã thử nghiệm việc nuôi tầm nhưng không kết quả, nay đành bằng lòng với việc dệt những tấm lụa bằng tơ mua ở các đảo lân cận và ở Tân Châu.

Tại Cồn Mới (làng Mỹ Luông), người ta tính được 7 đến 10 ha đất trồng dâu, nhưng có lẽ con số này còn lớn hơn. Phần lớn diện tích này thuộc Hội Truyền giáo. Giống dâu ở đây là "dâu-duối-ôi", khía lá rất tròn, tương tự giống "dâu sể" của Bắc Kỳ và của Bến Tre. Trong trại dâu còn trồng xen cây thuốc lá, cây bắp và cây tràm. Xưa kia, ở Cồn Mới và Cồn Cũ trồng rất nhiều dâu. Có lẽ biện pháp tích cực để hồi phục việc trồng dâu các địa phương này là miễn thuế như đã áp dụng ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Cù lao Bà Xang (đối diện với Chợ Thủ Chiến Sai) cũng có trồng dâu, với một cơ sở nuôi 12 thúng tầm lớn (qua lần đổi lột thứ 4). Con tầm lớn, chắc, nhưng không được đều lứa, tuy không có dấu hiệu bệnh tật. Cũng như nhiều cơ sở khác, điều đáng trách này là người ta chỉ cho tầm ăn rất ít lá dâu trong một nống tầm lúc nhúc dày đặc.

Ngoài những trại dâu nói trên, còn phải kể đến những nương dâu quan trọng ở làng Long Kiên. Cách đây 4 năm làng này có đất trồng dâu, nhưng nay đã chuyển sang trồng bắp, lúa và đậu. Khu chợ Thủ Chiến sai có vài chục khung cửi nhưng phải mua tơ ở Tân Châu.

Tóm lại, nghề tầm tơ ở tỉnh Long Xuyên xưa kia rất phát đạt, nhưng nay cảnh tượng đó không còn nữa. Đất đai có thể trồng dâu thì rất nhiều, nhưng nghề trồng lúa quá năng động đã làm người ta coi nhẹ nghề tơ tầm. Hẳn rằng người dân Long Xuyên sẽ tìm thấy ở Tân Châu một tấm gương để hồi phục nghề tơ tầm đã một thời phát đạt.

#### 5. Ở Tân Châu (Châu Đốc)

Có lẽ Tân Châu là trung tâm tầm tơ quan trọng nhất của Nam Kỳ. Quanh vùng Tân Châu có nhiều làng nghề tầm tơ như Long Phú, Tân Long Thuận, Long Khánh, Thương Thới và Cù lao Ma. Có đến ngót 300ha đất trồng dâu trong vùng này.

Tầm quan trọng của nghề tầm tơ Tân Châu thể hiện ở những cơ sở ương tơ với 5 đến 10 bể ương, ở những trại dâu với diện tích nhiều ha. Phái đoàn được tiếp xúc với những người nuôi tầm rất năng động, chủ yếu sống bằng nghề tầm tơ và sẵn sàng tiếp nhận những phương pháp có thể tăng thêm nguồn thu nhập.

Tân Châu nằm trên dòng sông lớn, có tàu bè của Hãng Vận tải đường sông và sà-lúp của người Hoa qua lại, số người nuôi tầm đông đảo và nhiều kinh nghiệm. Một khi trình độ kỹ thuật của người nuôi tầm được nâng cao, chắc chắn Tân Châu là vùng thuận lợi nhất cho việc thành lập một Trung tâm Tầm Tơ, với mục đích chính là phân phối cho dân bản xứ những trứng tầm đã được tuyển lựa. Tiếp đó mới là việc phổ biến các phương pháp nuôi tầm và ương tơ ưu việt nhất, với việc xây những bể ương kiểu mẫu.

Trung tâm tầm tơ này phải luôn có sẵn kén tầm với khối lượng lớn để có thể tuyển lựa giống tốt; phải có nguồn nước dồi dào để đáp ứng các khâu vận hành và cuối cùng

là những phương tiện vận chuyển thuận tiện để liên lạc với tất cả các tỉnh lỵ của Nam Kỳ.

Có thể khẳng định rằng: chỉ ở Tân Châu mới hội đủ những điều kiện trên một cách khả quan, không một trung tâm tầm tơ nào khác có thể có được.

Việc thành lập Trung tâm Tầm Tơ chỉ nên bắt đầu một cách khiêm tốn, trước hết là cố gắng sản xuất được 100.000 trứng tầm/năm với chi phí 5.720\$ (piastre) trong năm đầu, bao gồm việc xây dựng phòng thí nghiệm, nhà nuôi tầm và nhà ở.

Viên Chủ tỉnh Châu Đốc (PECH) hứa sẵn sàng tài trợ 1.500\$ lấy từ ngân sách hàng tỉnh để giúp vào việc xây dựng, nếu Thống đốc Nam Kỳ quyết định chọn Tân Châu để đặt Trung tâm này.

Những đề xuất trên đây được Thống đốc Nam Kỳ cân nhắc. Theo công văn của Thống đốc gửi Chủ tỉnh Châu Đốc, trước mắt chưa vội bàn những kế hoạch quy mô lớn, mà chỉ cần xúc tiến ngay việc xây dựng Tân Châu thành một trung tâm nuôi tầm kiểu mẫu.

## II. THÀNH LẬP TRUNG TÂM TẦM TƠ KIỂU MẪU Ở TÂN CHÂU

Ngay từ đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp nhìn thấy ở Tân Châu một nguồn khai thác thuộc địa và xuất khẩu béo bở trong lãnh vực tầm tơ ở Nam Kỳ, như họ đã thực hiện một kế hoạch tương tự ở Phú Lạng Thương (Bắc Kỳ). Trung tâm tầm tơ kiểu mẫu Tân Châu đã ra đời trong hoàn cảnh đó.

Tân Châu là địa điểm thuận lợi nhất để xây dựng một trung tâm tầm tơ kiểu mẫu đầu tiên ở Nam Kỳ, như Báo cáo năm 1907 đã dẫn. Vấn đề còn lại của Trung tâm này là cung cấp cho người dân Tân Châu những trứng tầm đã được tuyển giống cẩn thận,

mặt khác du nhập cách nuôi tầm và ương tơ của châu Âu để họ tham khảo và cải tiến; bắt đầu bằng việc tuyển giống và xây dựng những bể ương thí nghiệm. Muốn vậy, Trung tâm phải luôn sẵn có kén tầm đã tuyển lựa với số lượng lớn.

Mặt khác, phải khuyến khích việc trồng dâu và miễn thuế đất trồng dâu. Ngân sách chịu thiệt một khoản tiền nhỏ, nhưng hiệu quả lại rất lớn. Kinh nghiệm ở các Cơ sở tầm tơ Bắc Kỳ (Phủ Lạng Thương, Kiến An, Thái Bình, Nam Định, Bắc Ninh...), nhờ miễn thuế mà diện tích trồng dâu tăng gần 100 ha.

Để tuyển lựa được giống tầm tốt, trước hết phải thay thế ngay những giống tầm không qua tuyển lựa bằng giống tầm đã tuyển lựa theo phương pháp Pasteur. Một số giống tầm đã tuyển chọn mang từ Bắc Kỳ về thử nghiệm ở Bến Tre và Tân Châu cho kết quả rất khả quan (thử nghiệm thành công lúa giống thứ hai bằng kén của lúa dâu, hình dáng kén dài hơn, to hơn kén tầm địa phương). Với giống kén này, một nhà tầm ở Tân Châu đã nuôi được ngót 100 nong tầm.

Đối với Trung tâm kiểu mẫu Tân Châu, các nhân viên kỹ thuật (do chính quyền bổ dụng) đóng vai trò quan trọng. Nhiệm vụ chủ yếu của họ là chỉ được sử dụng các giống tầm đã được tuyển lựa.

Về việc ương tơ, trong khi chờ đợi xây dựng xong các bể ương kiểu mẫu, nên vận dụng kinh nghiệm dân gian ở từng địa phương.

Tóm lại, một trung tâm tầm tơ kiểu mẫu, biết phát huy lợi thế của chất đất và thời tiết Nam Kỳ, phải tạo được sự phát triển mạnh mẽ trong khâu cung cấp nguyên liệu (sản xuất kén tầm), trước hết là xúc tiến việc trồng dâu và nuôi tầm.

## 1. Nguồn dâu tằm

Trung tâm Tân Châu yêu cầu các tỉnh cung cấp các giống cây dâu để trồng thử nghiệm, nhưng trước mắt (tháng 6-1908) chưa vội trồng ngay, để phòng lũ lụt sắp đến, chỉ trồng đậu phộng để tăng độ azote cho đất, chờ đến tháng 10 sẽ chiết cành dâu.

Cây dâu thử nghiệm mọc rất tốt, không còn bị lụt lội đe dọa và sẽ sinh lợi bắt đầu từ năm sau. Sau khi đất được cây xới, cành dâu chiết sẽ được gửi đến. Để bảo vệ trong khi vận chuyển, cành dâu chiết cần cao khoảng 0m30 và bó lại cẩn thận, khi xếp vào tàu thủy nên tránh xếp gần lò đốt.

Theo hướng dẫn của Ban chuyên trách ngành tằm tơ, cây dâu phải trồng cách nhau tối thiểu 1 mét. Khi cây dâu đã cao từ 1m20 đến 1m50, thì phải cắt ngắn (chỉ còn 0m30 so với mặt đất). Sau 8 tháng, cây dâu sẽ cao 0m60, cứ hai năm lại nảy ra một thân cây khác khoảng 0m10 trên cây gốc. Cần điều chỉnh cho cây dâu phát triển theo dạng một cái tán, tạo diện phát triển tối đa cho lá dâu.

## 2. Tuyển lựa giống tằm

Sau ngót một năm xây dựng đề án và khảo sát bổ sung trên nhiều địa bàn, đến tháng 6-1908, Trung tâm Tân Châu tập trung vào việc xây dựng Phòng tuyển lựa giống tằm:

- Chuẩn bị vật liệu có sẵn tại chỗ (cốp-pha, ván, sọt...), nhưng tiến độ chậm vì thiếu ván, tre, phải đặt mua ván ở Bắc Kỳ giá rẻ hơn.

- Sử dụng mùng màn và lưới kim loại để đối phó với nạn "con lằng" ở trung tâm, đồng thời khuyến khích các gia đình nuôi tằm áp dụng các biện pháp này.

"Con lằng" phổ biến khắp Nam Kỳ và bất cứ người nuôi tằm nào cũng đều biết loại "côn trùng hai cánh" này (ở Bắc Kỳ, con lằng được gọi là "con nhặng"). Con lằng xuất hiện nhiều ở vùng Tân Châu khoảng tháng 2 và tháng 10 âm lịch; mọi người đều biết rõ tai hại của côn trùng này nếu không có biện pháp đối phó.

Trung tâm Tân Châu dự định chi 30\$ để mua lưới kim loại (theo kinh nghiệm của cơ sở tằm tơ Phủ Lạng Thương-Bắc Kỳ). Lưới sắt chỉ thích hợp với những gian phòng kín vách. Nhà ở của dân bản xứ thì không phải như vậy. Người nuôi tằm An Nam đặt các nong tằm ở bất cứ nơi nào trong nhà tranh của họ, miễn là không bị gió lùa.

Cách bảo vệ thực tế nhất trong tình hình hiện tại là sử dụng mùng màn. Tuy biện pháp này vẫn có chỗ bất cập, nhưng thật khó bắt buộc người "nhà quê" phải thay thế mùng màn bằng biện pháp tốt hơn nhưng chi phí lại cao hơn nhiều. Thêm nữa, nhà cửa của những người nuôi tằm An Nam thường ảm thấp, những tấm lưới kim loại với giá 3fr/m<sup>2</sup> sẽ nhanh chóng bị rỉ sét khi sử dụng. Cách tốt nhất hiện nay là khuyến khích các nhà nuôi tằm nên dành những gian riêng để nuôi tằm, đồng thời chống "con lằng" bằng những mảnh tre ngăn cửa, kết hợp với việc tẩy uế khi có dịch bệnh tằm cương.

Người nuôi tằm bản xứ muốn sử dụng loại mùng bằng vải gai để thay thế loại mùng bằng sợi bông kém thoáng khí, đó cũng là một cách cải tiến trước mắt. Việc cải tiến dụng cụ nuôi tằm và những quy tắc vệ sinh cho tằm chỉ có thể tiến hành từng bước.

Riêng ở Trung tâm Tân Châu, vì phòng nuôi tằm không có trần, vậy nên biện pháp thực tế nhất là sử dụng những mùng rộng,



kết hợp với lưới sắt ở các cửa sổ. Dự tính cần 120\$ (piastre) để làm cửa lưới sắt ở phòng nuôi tằm; trần nhà sẽ ghép bằng ván cây. Phòng nuôi tằm nhất thiết phải có những phương tiện hữu hiệu chống "con lằng". Vì các kén giống bị con lằng làm hư hại xuất phát từ những lý do rất khác nhau. Các vách ngăn bằng lưới kim loại đã tiến hành từ tháng 3, nay phải tạm ngưng, vì Sài Gòn chưa kịp cung cấp lưới sắt.

Hiện tại, Tân Châu đã có 1kg200 kén giống, sẽ tuyển lựa qua kính hiển vi và phân phối miễn phí cho các nhà nuôi tằm ở các làng lân cận. Nỗ lực chính của Tân Châu là thuyết phục các nhà nuôi tằm chấp nhận giống tằm đã tuyển lựa để bảo đảm thu hoạch bình thường, tiến tới có lãi.

Việc tuyển lựa giống tằm được tiến hành đều đặn từ ngày 1-9 nhờ số kén tằm của ông Girard (Suzannah) và của ông Bùi Văn Danh ở Mỏ Cày, lại mua thêm 2 lô kén tằm ở Thới Sơn.

Đã xét nghiệm hơn 9.000 con ngài (chỉ có 50% con ngài tốt). Số kén tằm của ông Girard và của Bến Tre cung cấp 90% con ngài lành mạnh. Số kén tằm của Thới Sơn có 10% con ngài bị bệnh tằm gai.

Dùng crésyl và sulfate đồng để tẩy rửa dụng cụ các nhà nuôi tằm lân cận (trước khi họ nhận giống tằm đã lựa chọn); đây là khoản chi tiêu ngoài dự tính nhưng cần thiết. Với đà này, có thể tăng cường giống tằm đã tuyển lựa, có thể cung cấp gần 20 lần so với hiện nay, kịp đáp ứng các đơn đặt hàng.

Theo báo cáo định kỳ (10-1908): việc tuyển giống tằm diễn biến rất tốt. Đã phân phối hết 4.530 con giống. Nhận thêm của ông phủ Xương và một hương chức ở Mỏ Cày 25kg kén tằm rất đẹp. Qua kiểm nghiệm trên kính hiển vi, tỷ lệ con ngài bị

bệnh tằm gai đã giảm hẳn, chỉ còn 1/100. Đây là một tỷ lệ chưa từng có cho đến nay, ngay cả những lô kén lấy từ miền núi Châu Đốc cũng không được như vậy. Trước mắt, có thể đi Bến Tre (Mỏ Cày, Ba Tri) để thu mua kén. Có thể giá mua kén tươi ở Bến Tre gấp đôi giá kén ở Châu Đốc, nhưng vẫn có lợi.

Số lượng giống tằm phân phối trong tháng 9 vượt xa con số của các tháng trước đó, tuy thời gian qua việc nuôi tằm ở Tân Châu thật gian nan, một phần vì nạn "con lằng", một phần do các bệnh tằm khác. Nhiều cơ sở nuôi tằm như ở Thượng Phước, Long Khánh đang thiếu giống tốt nghiêm trọng; có khi cả một nông tằm bị bệnh phải đổ hết xuống sông.

### 3. Lắp đặt bể ương - Xây lò kéo sợi tơ - Chế biến phế phẩm

Cuối năm 1910, nhân dịp Phái đoàn Bắc Kỳ chọn Tân Châu làm điểm khảo sát nghề tằm tơ Nam Kỳ, Trung tâm Tân Châu được lắp đặt một số thiết bị mới:

- Bể ương tơ: vận hành ngày 11 tháng 12. Tuy mưa lũ kéo dài, phần lớn diện tích trồng dâu bị ngập, ảnh hưởng đến việc nuôi tằm, nhưng Trung tâm đã kịp thu mua được mấy trăm kg kén tằm, dùng hơi hãm kén để kịp đưa vào các bể ương (việc hãm kén bằng hơi nước được áp dụng ở Pháp nhưng chưa được thích dụng ở Đông Dương do đặc điểm của kén tằm và do khí hậu ẩm thấp).

Chủ nhân các nhà tằm trong vùng rất hài lòng khi quan sát cách vận hành khác nhau của 2 bể ương: một bể ương sợi tơ mảnh để xuất khẩu và một bể ương sợi tơ cứng để dệt lụa bản xứ và dệt lụa trơn bằng sợi tơ nguyên chất. Một số công nhân nữ thực tập trên máy mới qua các công đoạn (lựa kén, bật sợi và kéo sợi ương...).

Theo đánh giá của Phái đoàn khảo sát Bắc Kỳ, tơ sống của Nam Kỳ đã được cải tiến nhiều, có giá trị tương đương tơ sống của Bắc Kỳ, nghĩa là dễ dàng xuất cảng sang Pháp. Loại tơ này có giá từ 9\$ đến 10\$/kg hoặc cao hơn, tùy theo chất lượng (đều sợi, cuộn tốt...). Loại tơ sợi cứng dùng dệt tussor cũng có giá tương đương loại tơ nói trên.

Phái đoàn cho rằng: chưa cần cải tiến phương tiện sản xuất tơ sống bằng máy móc Âu châu, vì loại tơ nguyên gốc ở Tân Châu có giá 9\$-9\$50/kg, và dân địa phương chưa thấy có lợi nhiều khi ứng dụng máy móc cải tiến.

Ở Tân Châu, người ta chỉ cần 15kg đến 20kg kén tầm đã có 1kg sợi tơ, trong khi các phương tiện cải tiến phải cần đến 20kg đến 25kg. Bằng phương pháp truyền thống của địa phương, có thể cung cấp mỗi ngày 600gr tơ sống, trong khi các phương tiện cải tiến (của châu Âu) chỉ cung cấp mỗi ngày 150gr đến 200gr. Nếu đúng như vậy thì không cần đặt vấn đề sản xuất lụa mịn (mỏng) ở Tân Châu để xuất khẩu, mà chỉ nên sản xuất lụa mịn để tiêu thụ trong nước.

Tuy nhiên, dân chúng Nam Kỳ và ở Tân Châu nói riêng cũng đã bước đầu thừa nhận tính ưu việt của những máy móc mới (cũng như những bộ phận cải tiến để ươm tơ, chế biến phế phẩm...) về cả hai mặt kỹ thuật và kinh tế so với những dụng cụ truyền thống ở địa phương. Bằng chứng là: ngoài Bến Tre và Long Xuyên, một số tỉnh khác đã cử nhiều nữ công nhân đến thực tập ở Tân Châu. Một số nhà tầm vùng lân cận cũng đã tự động cử người đến Tân Châu tìm hiểu phương pháp ươm tơ mới và yêu cầu được cung cấp những bể ươm cải tiến.

- Xây 2 lò kéo sợi: mỗi lò có 2 bếp và 4 nổi theo mẫu Bắc Kỳ (hệ thống đun nóng rẻ tiền hơn cách đun nóng ở địa phương).

- Chế biến phế phẩm: Khâu chế biến này hầu như chưa được Nam Kỳ biết đến hoặc ít ra cũng rất coi thường. Những kén tầm xấu, thấm nước hoặc tơ xoắn nếu chế biến theo cung cách địa phương thì chỉ tạo ra một khối kết dính, chỉ bán được 0\$60-0\$70/kg. Trái lại, ở Bắc Kỳ, bằng cách làm thủ công thích hợp, giá trung bình một kg phế phẩm bán được 2\$50 đến 3\$00. Những kén xấu rất khó ươm bằng máy thì ươm bằng dũa, bán với giá 3\$-4\$/kg. Những tơ xoắn sau khi được kéo duỗi ra, vẫn sạch và đẹp màu, được các nhà xuất cảng trả giá 1\$60-1\$80/kg. Những bả kén cũng được sử dụng, như ươm loại kén xấu, cũng có thể bán được 4\$/kg. Các chế phẩm này hoàn toàn mới lạ với Tân Châu.

\*

Nhận xét về Trung tâm tầm tơ Tân Châu và nghề tầm tơ Nam Kỳ nói chung trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XX, Phái đoàn Canh nông và Thương mại Bắc Kỳ cho rằng: kỹ nghệ tầm tơ Bắc Kỳ sẽ rất có lợi khi kỹ nghệ tầm tơ Nam Kỳ ứng dụng những phương pháp mới.

Nam Kỳ có thể chế biến và xuất cảng những sản phẩm tơ tầm với giá cao, đặc biệt là tơ nồn (mịn) và dũi; lại có thể bán các thứ phẩm và phế phẩm cho Bắc Kỳ để họ chế biến loại tussor và "shangtung fin", có thể cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại của Trung Hoa và Ấn Độ.

Những kén tầm bị rách, có lỗ thủng (do khâu lựa kén hoặc do các nguyên nhân khác) cũng sẽ tìm được ở Bắc Kỳ nơi giải quyết để thu lợi. Nhờ việc ươm tơ bằng tay rất cần mẫn, những kén hỏng sẽ được kéo thành loại tơ để dệt tussor thô.

(Xem tiếp trang 63)

(67). William Dampier, *Voyages and Discoveries* (London: The Argonaut Press, 1931), p. 49.

(68). Earl J. Hamilton, *American Treasure and the Price Revolution in Spain* (Cambridge, Mass., 1934). Xem thêm các tham luận chuyên đề về vấn đề kim loại tiền tệ trên phạm vi toàn cầu vào trung đại mặt kỳ-cận đại sơ kỳ trong J. F. Richards (ed.), *Precious Metals in the Later Medieval and Early Modern Worlds* (California: Carolina Academic Press, 1983).

(69). Xin xem những luận điểm thú vị về các dòng chảy của kim loại tiền tệ vào châu Á trong: Frank, *Reorient: Global Economy in the Asian Age*, pp. 131-164.

(70). Xem luận điểm và khái quát hóa về Thăng Long cũng như Đàng Ngoài nói chung trong bối cảnh hải thương khu vực thế kỷ XVI từ: Anthony Reid, *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680* (Vol. II: *Expansion and Crisis*) (New Haven: Yale University Press, 1993), pp. 62, 63, 71 và các trang tiếp theo.

(71). Femme Gaastra, *De Geschiedenis van de VOC* (Walburg Pers, 2002).

(72). Hoàng Anh Tuấn, *Silk for Silver*, pp. 219-220.

(73). Whitmore, "Vietnam and the Monetary Flow", pp. 363-396.

## NGHỀ TẦM TƠ NAM KỲ THỜI THUỘC PHÁP...

(Tiếp theo trang 27)

Một khi xuất khẩu được tơ sống, triển vọng ngành tầm tơ Nam Kỳ sẽ rất lớn. Theo một thông báo chính thức của Bộ Thương mại Pháp, trong năm 1910 việc nhập khẩu tơ sống và các phế phẩm của tơ tầm vào nước Pháp sẽ tăng lên 340 triệu francs.

Về những bước cải tiến tiếp theo, Phái đoàn cho rằng: các dụng cụ ương tơ dệt lụa đang được Nha Canh nông-Thương mại Bắc

Kỳ ưa chuộng chủ yếu là phục vụ sản xuất của các gia đình. Thời gian tới, phải tìm cách chế tạo những cỗ máy lắp đặt theo hệ thống cơ khí của Pháp, nhưng phải rẻ tiền hơn và thích nghi với các phương pháp bản xứ, để có thể cung cấp những sản phẩm tốt hơn về chất lượng cũng như giá trị hàng hóa. Tuy nhiên, những bể ương và khung cửi của các gia đình vẫn sẽ còn tồn tại phổ biến.